

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ  
PHÒNG HÓA NGHIỆM

Địa chỉ: Xóm Vật Lại, xã Thịnh Minh, tỉnh Phú Thọ



VILAS 1300

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 26/10/14/BP.1

- Tên mẫu: Nước sinh hoạt
- Vị trí lấy mẫu: Bể chứa nước sạch sau xử lý tại nhà máy (Bể pha clo)
- Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà
- Địa chỉ: Xóm Vật Lại, xã Thịnh Minh, tỉnh Phú Thọ
- Người lấy/gửi mẫu: Vũ Thị Hằng
- Lượng mẫu: 2.0 lít
- Mô tả mẫu: Đựng trong 02 chai nhựa 500 mL, 1 chai thủy tinh 1 lít
- Thời gian lấy mẫu: 7h30 ngày 14/10/2026 Thời gian thử nghiệm từ ngày 14/10/2026 đến 15/10/2026
- Kết quả thử nghiệm:

| TT | Tên chỉ tiêu         | Phương pháp thử  | Đơn vị    | Kết quả            | QCVN<br>01-1:2024/BYT |
|----|----------------------|------------------|-----------|--------------------|-----------------------|
| 1  | Độ màu*              | Hach Method 8025 | Pt-Co     | <5                 | 15                    |
| 2  | Mùi                  | Cảm quan         | -         | Không có mùi lạ    | Không có mùi lạ       |
| 3  | Độ đục*              | SMEWW 2130B:2023 | NTU       | KPH<br>(LOD=0.2)   | 2                     |
| 4  | pH*                  | TCVN 6492:2011   | -         | 7.63               | 6.0 ÷ 8.5             |
| 5  | Độ cứng*             | TCVN 6224:1996   | mg/l      | 85                 | 300                   |
| 6  | Hàm lượng Clorua*    | TCVN 6194:1996   | mg/l      | 9.6                | 250                   |
| 7  | Hàm lượng Sắt*       | Hach Method 8008 | mg/l      | KPH<br>(LOD=0.02)  | 0.3                   |
| 8  | Hàm lượng Mangan*    | Hach Method 8149 | mg/l      | <0.02              | 0.1                   |
| 9  | Hàm lượng Nitrat*(N) | Hach Method 8039 | mg/l      | 1.2                | 11                    |
| 10 | Hàm lượng Nitrit*(N) | Hach Method 8507 | mg/l      | KPH<br>(LOD=0.003) | 0.9                   |
| 11 | Hàm lượng Amoni*(N)  | Hach Method 8155 | mg/l      | 0.05               | 1                     |
| 12 | Hàm lượng Sulfat*    | Hach Method 8051 | mg/l      | 5                  | 250                   |
| 13 | Hàm lượng Nhôm       | Hach Method 8012 | mg/l      | 0.09               | 0.2                   |
| 14 | Chỉ số pecmanganat*  | TCVN 6186:1996   | mg/l      | <0.5               | 2                     |
| 15 | Clo dư*              | Hach Method 8021 | mg/l      | 0.75               | 0.2 ÷ 1.0             |
| 16 | Coliform tổng số*    | TCVN 6187-1:2019 | CFU/100ml | < 1                | < 1                   |
| 17 | E.Coli*              | TCVN 6187-1:2019 | CFU/100ml | < 1                | < 1                   |

Ghi chú:

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- LOD: Giới hạn phát hiện; - LOQ: Giới hạn định lượng; - KPH: Không phát hiện.

Phú Thọ, ngày 21 tháng 10 năm 2026

Quản lý kỹ thuật

Trưởng phòng hóa nghiệm

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

P. Tổng Giám đốc



Nguyễn Duy Thắng

Đỗ Văn Hiệu

Trịnh Văn Nam

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Phòng Hóa nghiệm.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
- Chỉ tiêu đánh dấu \* là chỉ tiêu được công nhận VILAS.